HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2017/NQ-HĐND	*Nghệ An, ngày 20 tháng 12 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT
Về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13;

Xét Tờ trình số 8842/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Các chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn của Trung ương được thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các hộ gia đình, cá nhân, nhóm hộ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An đối với các chính sách: Hỗ trợ phát triển cây chè; cây ăn quả; trợ giá giống lúa thuần năng suất cao, chất lượng tốt; trồng mía bằng giống mía mới; hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng; chăn nuôi lợn ngoại; tạo giống bò, cải tiến giống trâu; trợ giá giống gốc; tiêm phòng gia súc miền núi; hỗ trợ gia súc, gia cầm bị rủi ro sau tiêm phòng, xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; trồng rừng gỗ lớn và trồng rừng bằng cây bản địa; nuôi trồng thuỷ sản mặn lợ; nuôi cá lồng trên sông, hồ nước lớn; trợ giá cá giống cho các huyện miền núi; hỗ trợ khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; áp dụng công nghệ mới về nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng; sản xuất muối; tưới cho cây công nghiệp, cây ăn quả và cỏ trồng tập trung; máy

nông nghiệp; xây dựng và nhân rộng mô hình kinh tế có hiệu quả tại các huyện miền núi; mua chế phẩm sinh học, làm đệm lót sinh học trong chăn nuôi lợn, gà; phát triển kinh tế trang trại; sản xuất, tiêu thụ nông sản chất lượng cao, an toàn thực phẩm, ứng dụng công nghệ cao; trồng cây dược liệu dưới tán rừng;

b) Các đơn vị có chức năng bảo vệ quỹ gen, giống gốc, phát triển nguồn lợi thủy sản;

c) Các xã hoặc Hợp tác xã nông nghiệp; các huyện, xã miền núi đối với các chính sách: Hỗ trợ kênh mương loại III, máy nông nghiệp; phát triển Hợp tác xã nông nghiệp;

d) Các doanh nghiệp đối với các chính sách hỗ trợ mua bản quyền tác giả, xây dựng lò giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; mua máy thu hoạch mía; du nhập và sản xuất giống mía mới; sản xuất, tiêu thụ nông sản chất lượng cao, an toàn thực phẩm, ứng dụng công nghệ cao.

Điều 2. Một số chính sách hỗ trợ phát triển

1. Cây chè

a) Hỗ trợ 1.800 đồng/bầu giống chè Tuyết shan, với mật độ trồng 3.300 bầu/ha;

b) Hỗ trợ giống chè LDP1, LDP2, chè chất lượng cao với mức 400 đồng/bầu. Mật độ trồng 16.000 bầu/ha;

c) Hỗ trợ chi phí làm đất trồng mới chè công nghiệp giống LDP1, LDP2, chè chất lượng cao, chè Tuyết shan với mức 5.000.000 đồng/ha đối với các huyện: Con Cuông, Kỳ Sơn, Tương Dương, khu tái định cư thủy điện Bản Vẽ tại huyện Thanh Chương và mức 2.000.000 đồng/ha đối các huyện còn lại.

2. Cây ăn quả (cam, quýt giống mới, bưởi, chanh leo)

a) Đối với cây cam, quýt giống mới, bưởi:

- Hỗ trợ cây giống cam, quýt giống mới, bưởi đạt tiêu chuẩn, với mức 10.000 đồng/cây.

- Hỗ trợ làm đất trồng mới cam, quýt giống mới, bưởi, với mức 5.000.000 đồng/ha.

b) Đối với cây chanh leo (trong vùng quy hoạch):

- Hỗ trợ giống chanh leo đạt tiêu chuẩn, với các mức cụ thể như sau:

+ Đối với các hộ nghèo, trợ giá giống 100%.

+ Đối với các hộ cận nghèo, trợ giá giống 70%.

+ Đối với các hộ còn lại, trợ giá giống 50%.

- Hỗ trợ làm đất trồng mới chanh leo: 5.000.000 đồng/ha.

3. Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng

Hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha đối với những diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm khác có giá trị kinh tế cao hơn. Với điều kiện quy mô vùng chuyển đổi từ 01 ha trở lên đối với các huyện: Con Cuông, Tương Dương, Kỳ Sơn, Quế Phong, Quỳ Châu, Quỳ Hợp, 02 ha trở lên đối với các huyện, thành, thị còn lại và chỉ hỗ trợ 01 lần.

4. Chăn nuôi lợn ngoại có quy mô 50 con trở lên

a) Hỗ trợ 1.000.000 đồng/con lợn cái hậu bị cấp ông bà, bố mẹ có trọng lượng bình quân 60 kg/con. Mức hỗ trợ bằng 50% số lượng nhập đàn và tối đa không quá 100.000.000 đồng/trang trại;

b) Trợ giá lợn đực giống ngoại (trọng lượng lợn đực giống hậu bị trên 70 kg/con), với chỉ tiêu 30 con lợn nái trở lên được bố trí 01 con lợn đực giống cho trang trại đủ tiêu chuẩn sản xuất giống cấp ông bà, bố mẹ. Mức hỗ trợ 2.000.000 đồng/con;

c) Hỗ trợ 50% giá lợn đực giống ngoại để thay thế, bổ sung đàn lợn đực giống tại các đơn vị thụ tinh nhân tạo của tỉnh. Trọng lượng lợn đực giống bình quân 100 kg/con. Số lợn đực bổ sung đàn được ghi kế hoạch đầu năm.

5. Tạo giống bò, cải tiến giống trâu

a) Cấp 100% chi phí: Tinh trâu, tinh bò sữa, tinh bò giống hướng thịt: Zêbu, Brahman; bò siêu nạc 3B; vật tư phối giống và hỗ trợ 70.000 đồng/con có chửa, bao gồm tiền công: Phối giống, kiểm tra trâu hoặc bò có chửa;

b) Hỗ trợ 60% giá trị trâu đực giống ngoại vùng (cách tối thiểu 50 km), bò đực giống lai hướng thịt (về đến địa phương), để phối giống trực tiếp cho trâu cái ở các vùng quy hoạch, bò cái tại địa phương đối với các huyện, xã miền núi không có điều kiện thực hiện phối giống bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo. Định mức: 30 - 50 con trâu, bò cái sinh sản được bố trí 01 con trâu hoặc bò đực giống. Riêng các huyện: Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong hỗ trợ 80% giá trị trâu đực giống ngoài vùng, bò đực giống lai hướng thịt (về đến địa phương), với định mức 25 - 30 con trâu hoặc bò cái sinh sản được bố trí 01 con trâu hoặc bò đực giống.

6. Trợ giá giống gốc

Hàng năm ngân sách tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện chương trình trợ giá giống gốc theo Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, phân bổ dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản cho các đối tượng sau: Lợn Móng Cái, Lợn giống ngoại cấp ông bà, Bò vàng, Vịt bầu Quỳ, gà đen, lợn đen, bò Hmông.

7. Tiêm phòng gia súc miền núi

Cấp 100% các loại vacxin tiêm phòng gia súc đối với các xã, bản miền núi khu vực III và khu vực II.

8. Hỗ trợ gia súc, gia cầm bị phản ứng do tiêm phòng vacxin gây chết

Hỗ trợ 100% tiền đền bù gia súc, gia cầm bị chết do tiêm phòng vacxin theo giá thị trường tại thời điểm xảy ra rủi ro (trong định mức quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

9. Hỗ trợ xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung

Hỗ trợ 30% giá trị xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và mua sắm thiết bị theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không quá 500.000.000 đồng/cơ sở.

10. Chính sách trồng rừng gỗ lớn và trồng rừng bằng cây bản địa

Hỗ trợ 50% giá cây giống keo lá tràm, keo tai tượng, sao đen (ươm bằng hạt hoặc nuôi cấy mô), giống cây bản địa (lim xanh, lát hoa, trám...) đạt tiêu chuẩn cho các hộ gia đình, cá nhân trồng rừng kinh doanh gỗ lớn, trồng rừng bằng cây bản địa trên diện tích đất lâm nghiệp được giao, hoặc cho thuê trong vùng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mật độ trồng theo quy trình và định mức kinh tế kỹ thuật.

11. Nuôi trồng Thuỷ sản mặn lợ

Đối với những hộ gia đình, cá nhân nuôi tôm Sú và tôm He chân trắng thương phẩm công nghiệp bị bệnh đốm trắng (WSSV), bệnh đầu vàng (YHCV), Hội chứng Tau ra (TSV), bệnh hoại tử cơ (IMNV), bệnh hoại tử cơ quan tạo máu và cơ quan biểu mô (IHHNV), hội chứng hoại tử gan tụy cấp tính (AHPNS) được hỗ trợ hoá chất để xử lý dịch bệnh tôm, nếu khi tôm bị bệnh hộ gia đình, cá nhân đã tuân thủ quy trình dập dịch của các cơ quan có thẩm quyền về phòng chống dịch bệnh thuỷ sản.

12. Nuôi cá lồng trên sông, hồ nước lớn

a) Các huyện, xã miền núi thuộc khu vực III được hỗ trợ 15.000.000 đồng/lồng (loại lồng 50m^3 trở lên);

b) Các huyện, xã miền núi thuộc khu vực II được hỗ trợ 10.000.000 đồng/lồng (loại lồng 50m^3 trở lên);

c) Các huyện, xã miền núi thuộc khu vực I được hỗ trợ 5.000.000 đồng/lồng (loại lồng 50m^3 trở lên).

13. Trợ giá cá giống cho các huyện miền núi

Hàng năm tỉnh trích một phần ngân sách để trợ giá cá giống lên các miền núi của tỉnh, cụ thể như sau:

a) Đối với các xã miền núi khu vực III, mức trợ giá giống 70%;

b) Đối với các xã miền núi khu vực II, mức trợ giá giống 60%;

c) Đối với các xã miền núi khu vực I, mức trợ giá giống 50%.

14. Hỗ trợ khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản .

a) Hỗ trợ 01 máy thông tin tầm xa có tích hợp vệ tinh cho mỗi tổ hợp tác (từ 5 - 7 tàu/tổ) gồm các loại tàu có công suất từ 90 CV trở lên. Máy thông tin phải thực hiện theo quy định về quản lý thông tin trên biển của tỉnh;

b) Hỗ trợ 01 lần 300.000.000 đồng/tàu cá (tàu khai thác và tàu dịch vụ hậu cần nghề cá) đóng mới (phải lắp máy mới) cho các hộ ngư dân đầu tư đóng mới tàu cá khai thác xa bờ có công suất từ 700CV trở lên;

c) Hỗ trợ mua máy dò ngang khai thác thủy sản khơi xa, trên tàu có công suất từ 700 CV trở lên, với mức hỗ trợ 50% giá máy, nhưng không quá 200.000.000 đồng/máy;

d) Chính sách chuyển đổi nghề khai thác thủy sản ven bờ sang nghề khác thân thiện với môi trường:

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề lưới bát quái hoạt động tại vùng biển ven bờ sang các nghề khác (lưới vây, lưới rê, lưới chụp), với mức hỗ trợ 15.000.000 đồng/tàu, mỗi năm chuyển đổi nghề 50 tàu/năm

- Hỗ trợ mô hình chuyển đổi nghề khai thác hải sản bằng nghề lưới kéo sang các nghề khác (lưới vây, lưới rê, lưới chụp), với mức hỗ trợ 100.000.000 đồng/mô hình, mỗi năm không quá 10 mô hình.

15. Bảo vệ quỹ gen, giống gốc, phát triển nguồn lợi thuỷ sản

a) Hàng năm ngân sách cấp kinh phí để mua các giống tôm, giống cá và các loài thủy sản quý hiếm khác thả ra sông, ra biển, các hồ nước lớn có diện tích trên 50 ha;

b) Hàng năm ngân sách cấp kinh phí để thay thế 20% đàn cá bố mẹ hiện có gồm kinh phí mua, vận chuyển, nuôi dưỡng và sản xuất giống quý hiếm, giống mới.

16. Sản xuất Muối

a) Hỗ trợ một lần, với mức 3.000.000 đồng khi xây dựng bộ chạt lọc cải tiến để thay chạt lọc cũ;

b) Hỗ trợ bạt nhựa nilon trải ô kết tinh, với mức 3.000.000 đồng/đơn vị sản xuất muối ($60m^2$).

17. Kiên cố hoá kênh mương loại III

a) Hỗ trợ 30% giá trị công trình kiên cố kênh mương đối với các huyện miền núi thấp và các xã miền núi của các huyện đồng bằng cho khu vực tưới có 10 ha trở lên;

b) Hỗ trợ 80% giá trị công trình cho khu vực tưới có 05 ha trở lên đối với 5 huyện miền núi cao;

c) Khi lập dự toán công trình không tính giá trị thu nhập chịu thuế tính trước, khuyến khích áp dụng thiết kế định hình ở những nơi có điều kiện, các khoản chi phí khảo sát, lập thiết kế dự toán chỉ tính bằng 50% mức quy định, thuế VAT chỉ tính trên giá trị vật liệu xây dựng công trình.

18. Tưới cho cây công nghiệp, cây ăn quả và cỏ trồng tập trung

a) Hỗ trợ 40% giá trị, nhưng tối đa không quá 30.000.000 đồng cho công trình được quyết toán do cấp có thẩm quyền phê duyệt (thiết bị và vật tư) tưới nhỏ lẻ cho cây công nghiệp (chè, cà phê, mía), cây ăn quả (cam, quýt giống mới, bưởi, dứa) và cỏ trồng tập trung có quy mô 01 ha trở lên làm thức ăn chăn nuôi như: Hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước (tưới nhỏ giọt, phun mưa), giếng đào, giếng khoan, máy bơm nhỏ di động, ống tưới PVC hoặc bằng cao su;

b) Hỗ trợ 40% giá trị công trình, nhưng tối đa không quá 20.000.000 đồng cho 01 hồ đập nhỏ có dung tích từ 30.000 m^3 đến 70.000 m^3 nằm trong vùng quy hoạch phát triển cây công nghiệp (chè, cà phê, mía), cây ăn quả (cam, quýt giống mới, bưởi, dứa) để tạo nguồn nước tưới và giữ ẩm. Số lượng hồ đập nhỏ được Uỷ ban nhân dân tỉnh tỉnh giao kế hoạch hàng năm cho các địa phương, đơn vị.

c) Hỗ trợ 70% giá trị công trình tưới nhỏ lẻ cây chanh leo được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt (thiết bị và vật tư), không quá: 70.000.000 đồng/công trình.

19. Máy nông nghiệp

a) Hỗ trợ một lần 20% giá trị máy cấy, máy gieo mạ và thiết bị kèm theo;

b) Hỗ trợ 20% giá trị máy thu hoạch mía, nhưng tối đa không quá 1.500.000.000 đồng/máy cho các hộ gia đình (01 lần), Hợp tác xã và 03 công ty mía đường trên địa bàn Nghệ An, mỗi năm bố trí 01 máy/một vùng nguyên liệu mía.

20. Chính sách hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình kinh tế có hiệu quả tại các huyện miền núi để tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo

a) Xây dựng mô hình kinh tế:

- Đối tượng, quy mô:

+ Sản xuất cây hàng năm, cây công nghiệp ngắn ngày, rau, hoa, cây cảnh: Quy mô: 1 - 2 ha/mô hình.

+ Sản xuất cây ăn quả: Quy mô: 2 - 3 ha/mô hình.

+ Sản xuất cây lâm nghiệp, cải tạo rừng nghèo kiệt thành rừng giàu, chuyển đổi canh tác nương rẫy sang canh tác nông, lâm kết hợp. Quy mô: 3 - 5 ha/mô hình.

+ Chăn nuôi: Số con thường xuyên/mô hình phải đạt mức tối thiểu đối với từng loại con như sau: Lợn, bò, dê: 30 con; gia cầm: 200 con;

Loại cây, con xây dựng mô hình phải đạt hiệu quả kinh tế cao, theo danh mục ban hành kèm theo đề án: Phát triển các thành phần kinh tế, làng nghề, làng có nghề, mô hình kinh tế chất lượng cao, nhằm chuyển đổi mô hình tăng trưởng trong nông nghiệp, nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2017 - 2020 theo Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

- Chính sách hỗ trợ:

+ Hỗ trợ kinh phí tập huấn, hội thảo đầu bờ, tuyên truyền với mức 10.000.000 đồng/mô hình.

+ Hỗ trợ giống với mức: 50% đối với các huyện, xã miền núi khu vực I và khu vực II, 80% đối với các xã miền núi khu vực III;

+ Hỗ trợ 50% chi phí vật tư chủ yếu: phân bón, chế phẩm sinh học.

+ Hỗ trợ 50% chi phí thức ăn chủ yếu đối với các mô hình chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

Các mô hình phải đảm bảo đạt hiệu quả kinh tế tăng ít nhất từ 10 - 15% so với sản xuất bình thường.

Hàng năm các huyện, thị căn cứ điều kiện thực tế của địa phương lựa chọn tối đa 2 - 3 mô hình có hiệu quả nhất để thực hiện.

b) Nhân rộng mô hình kinh tế:

- Thời gian:

+ Đối với cây hàng năm: Sau 02 năm xây dựng mô hình.

+ Đối với cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả, rừng nguyên liệu: Sau 01 chu kỳ sản xuất tạo mô hình;

+ Mô hình chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản: Sau 02 năm xây dựng mô hình.

- Quy mô: Phải đạt tối thiểu gấp 04 lần quy mô mô hình đã được xây dựng có hiệu quả.

- Chính sách hỗ trợ:

+ Hỗ trợ kinh phí tuyên truyền, hội thảo đầu bờ, với mức 20.000.000 đồng/mô hình.

+ Hỗ trợ 30% chi phí các loại vật tư, phân bón chủ yếu.

+ Hỗ trợ 30% chi phí thức ăn chăn nuôi chủ yếu đối với các mô hình chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

21. Chính sách hỗ trợ mua bản quyền tác giả các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ

Hỗ trợ 40% giá trị mua bản quyền tác giả các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến được áp dụng vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp đạt hiệu quả kinh tế cao tại Nghệ An, mức hỗ trợ tối đa không quá 500.000.000 đồng/bản quyền tác giả. Các danh mục về bản quyền tác giả tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến được mua do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn xem xét, trình Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định trước khi thực hiện.

22. Chính sách phát triển Hợp tác xã nông nghiệp

Khi thành lập mới 01 Hợp tác xã sản xuất, dịch vụ nông nghiệp, diêm nghiệp đã đại hội xã viên, có phương án sản xuất kinh doanh, có Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã do Phòng Tài chính Kế hoạch của Uỷ ban nhân dân cấp huyện cấp, được ngân sách tỉnh hỗ trợ 50.000.000 đồng/HTX.

23. Chính sách mua chế phẩm sinh học, làm đệm lót sinh học trong chăn nuôi lợn, gà

a) Hỗ trợ 60% kinh phí mua chế phẩm Compost maker và các phụ gia để sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ phế phụ phẩm nông nghiệp;

b) Hỗ trợ 100% kinh phí mua chế phẩm Biogreen để xử lý tồn dư thuốc Bảo vệ thực vật trên đất trồng rau, đất trồng cây ăn quả;

c) Hỗ trợ làm đệm lót sinh học trong chăn nuôi lợn, gà, cụ thể như sau:

- Đối với chăn nuôi lợn: Hỗ trợ 50% kinh phí làm đệm lót sinh học chăn nuôi lợn, nhưng không quá 5.000.000 đồng/hộ. Diện tích hỗ trợ tối thiểu: 20 m^2 chuồng/hộ.

- Đối với chăn nuôi gà: Hỗ trợ 50% kinh phí làm đệm lót sinh học chăn nuôi gà, nhưng không quá 1.000.000 đồng/hộ. Diện tích hỗ trợ tối thiểu 20 m^2 chuồng/hộ.

24. Hỗ trợ một số giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao

a) Trợ giá giống lúa thuần mới, năng suất cao, chất lượng tốt, với mức: 50% giá giống đối với các huyện, xã miền núi khu vực I và khu vực II; 80% giá giống đối với các xã miền núi khu vực III; với định mức không quá 60kg/ha, diện tích hỗ trợ không quá 2.000 ha/năm;

b) Hỗ trợ giống mía mới;

- Hỗ trợ du nhập cây giống mía mới có năng suất, chất lượng cao được tạo bằng phương pháp nuôi cấy mô để sản xuất ra giống mía thương phẩm cung ứng cho người sản xuất, với mức hỗ trợ 1.000 đồng/cây mía giống.

- Hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha trồng mía cho người dân mua mía giống mới, đảm bảo chất lượng từ các vùng sản xuất mía giống của các Công ty Mía đường.

25. Sản xuất, tiêu thụ nông sản chất lượng cao, an toàn thực phẩm, ứng dụng công nghệ cao

a) Hỗ trợ xây dựng nhà lưới (màng), để sản xuất rau, củ quả chất lượng cao, an toàn thực phẩm; Quy mô tối thiểu 1.000 m^2 (có 01 hoặc nhiều nhà lưới), đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 50.000 đồng/m^2, nhưng không quá 200.000.000 đồng/mô hình;

b) Hỗ trợ tiền thuê gian hàng bán nông, lâm, thủy sản an toàn sản xuất tại Nghệ An, với mức 3.000.000 đồng/gian hàng/tháng, nhưng không quá 02 năm/gian hàng.

26. Chính sách áp dụng công nghệ mới về nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng

a) Hỗ trợ 01 lần 30% chi phí mua sắm trang thiết bị, men vi sinh cho các mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh áp dụng công nghệ mới có quy mô diện tích từ 02 ha trở lên, nhưng không quá 200.000.000 đồng/mô hình; mỗi năm bố trí tối đa 03 mô hình;

b) Hỗ trợ 01 lần cho các mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh áp dụng công nghệ mới, với mức 30.000.000 đồng/mô hình để thuê chuyên gia đào tạo, chuyển giao công nghệ kỹ thuật; mỗi năm bố trí tối đa 03 mô hình.

27. Chính sách phát triển kinh tế trang trại

Đối với trang trại thành lập mới, đạt tiêu chí theo Thông tư 27/2011/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được hỗ trợ:

a) Hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng cơ sở chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, với mức không quá 200.000.000 đồng/trang trại mới, đối với những dự án có tổng mức đầu tư từ 1.000.000.000 đồng trở lên; mỗi năm bố trí tối đa 05 trang trại;

c) Hỗ trợ một lần 50% kinh phí xây dựng các hạng mục công trình xử lý nước thải, ao lắng, nhưng không quá 300.000.000 đồng/trang trại mới, đối với những dự án xử lý nước thải, ao lắng, với tổng mức đầu tư từ 1.000.000.000 đồng trở lên tại các trang trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; mỗi năm bố trí tối đa 05 trang trại.

28. Chính sách hỗ trợ trồng cây dược liệu dưới tán rừng

Hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha cho các hộ gia đình, cá nhân tham gia trồng cây dược liệu dưới tán rừng. Loài cây dược liệu, phương thức, mật độ và kỹ thuật trồng cây dược liệu dưới tán rừng do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018; Bãi bỏ Nghị quyết số 125/2014/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Nghị quyết số 200/2015/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 125/2014/NQ-HĐND.

Đối với những trường hợp đã thực hiện các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 125/2014/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI về một số chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Nghị quyết 200/2015/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 125/2014/NQ-HĐND thì tiếp tục được hưởng các chính sách theo Nghị quyết số 125/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 200/2015/NQ-HĐND đến hết thời hạn theo quy định./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ NN&PTNT; Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL) (để b/c);
- TT.Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website http: //dbndnghean.vn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Nguyễn Xuân Sơn